

BÁO CÁO TÓM TẮT
Hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015

Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn đánh dấu nhiều bước phát triển vượt bậc của tỉnh Hà Tĩnh, kinh tế - xã hội đang tăng trưởng với tốc độ cao và tương đối toàn diện; mô hình kinh tế tiếp tục được chuyển đổi theo chiều sâu, đời sống người dân được cải thiện đáng kể, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước đạt trên 2.000 USD (tăng gần 3 lần so với năm 2010). Nhiều dự án công nghiệp trọng điểm đã, đang hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh như: Khu Liên hợp gang thép, cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh, Nhà máy nhiệt điện 2250MW, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, Nhà máy Thủy điện Hương Sơn, Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh...; sản xuất nông nghiệp, thủy sản có bước đột phá trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đã xác định được những sản phẩm hàng hoá chủ lực. Chăn nuôi từ nhỏ lẻ, phân tán chuyển mạnh sang hình thức tập trung, gia trại, trang trại công nghiệp, quy mô lớn...

Song cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu tiêu dùng tăng lên kéo theo sự gia tăng khối lượng chất thải; sự ra đời của các KCN, Cụm CN, các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh một mặt góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà nhưng mặt khác cũng đang đặt ra cho môi trường những thách thức về rác thải, nước thải và khí thải công nghiệp. Những năm gần đây, thời tiết khí hậu biến đổi bất thường, dịch bệnh xảy ra thường xuyên, nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học... đang là những vấn đề mà chúng ta cần phải nghiên cứu để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Nhằm cung cấp những nét tổng quan về chất lượng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011- 2015, dự báo diễn biến chất lượng, đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các chính sách, giải pháp để đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường giai đoạn tiếp theo, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015 với các nội dung cơ bản sau:

I. Tổng quan về hiện trạng môi trường Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015 và xu hướng diễn biến chất lượng môi trường thời gian tới

1. Môi trường nước

a. Nước mặt

Nhìn chung chất lượng nước mặt khu vực Hà Tĩnh chưa có dấu hiệu ô nhiễm ngoại trừ ở một số con sông gần khu vực đô thị thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh và gần điểm thoát thải của một số nhà máy chế biến thủy sản

đã bị ô nhiễm hữu cơ. Nguyên nhân là do khu vực đô thị chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải đô thị từ khu dân cư, nhà hàng, khách sạn phát sinh lớn ($23.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$), thoát thải chung với nước mưa chảy tràn thải trực tiếp ra sông, hồ. Ngoài ra vẫn còn tình trạng ô nhiễm sắt (Fe) và asen trong nguồn nước sinh hoạt ở các vùng đồng bằng ven biển và vùng thấp trũng ven sông chưa được đầu tư kinh phí để xử lý.

Với xu hướng gia tăng mật độ dân số khu vực đô thị, gia tăng số lượng các trang trại chăn nuôi tập trung khu vực nông thôn, nếu không kiểm soát chặt chẽ thì trong thời gian 3-5 năm tới chất lượng nước ở các con sông gần khu vực đô thị, các khu trang trại, các khu giết mổ gia súc tập trung, các nhà máy chế biến thủy sản sẽ có nguy cơ ô nhiễm.

b. Nước dưới đất:

Nguồn nước dưới đất tỉnh Hà Tĩnh đang bị giảm trữ lượng do hoạt động khai thác nước ngầm. Chất lượng nước bị ô nhiễm chủ yếu ở các khu vực tồn lưu hóa chất BVTX, rò rỉ đường ống xăng dầu từ thời kỳ chiến tranh (nhiễm dầu mỡ khoáng). Nước ngầm ở các khu vực bãi chôn lấp chất thải rắn (do nước rỉ rác), các cụm công nghiệp, trạm y tế, khu tái định cư có nồng độ các dạng của Nitơ, sắt và mangan (Mn) vượt giới hạn cho phép.

Riêng chất lượng nước ngầm ở hầu hết các khu vực bệnh viện, trung tâm y tế từ đầu 2014 đến nay mức độ ô nhiễm giảm do đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế.

c. Về chất lượng nước biển ven bờ

Chất lượng nước biển ven bờ các chỉ tiêu cơ bản đang nằm trong giới hạn cho phép, ngoại trừ một số khu vực nuôi trồng thủy sản ven biển, các bãi tắm, cảng biển, cửa sông có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép như: Bãi biển Thiên Cầm, Thạch Bằng, Kỳ Ninh hàm lượng sắt vượt quy chuẩn cho phép; hàm lượng dầu mỡ khoáng vượt quy chuẩn từ 3 đến 5,5 lần; chỉ tiêu tổng chất rắn lơ lửng (TSS) và coliform ở hầu hết các bãi tắm biến động theo mùa, vượt quy chuẩn từ 1,1 đến 1,5 lần và có xu hướng tăng dần qua các năm; tại các cửa sông, cảng biển như Cửa Hội, Cửa Sót, cảng Sơn Dương, cảng Vũng Áng chỉ tiêu dầu mỡ khoáng vượt quy chuẩn từ 1,5 đến 2 lần, hàm lượng sắt vượt quy chuẩn có nơi lên đến 29 lần như ở Cửa Nhượng.

Với xu thế phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển, công nghiệp cảng biển và du lịch biển thì trong thời gian tới các áp lực về chất thải đối với hệ sinh thái biển nói chung và chất lượng nước biển ven bờ nói riêng ngày càng lớn cần phải có phương án xử lý.

2. Môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2011-2015 có thay đổi so với giai đoạn 2006-2010, đặc biệt là chỉ tiêu về tiếng ồn, bụi ở các vị trí trung tâm và các nút giao thông trọng điểm, các cụm khai thác, chế biến đá đã vượt quy

chuẩn cho phép mặc dù ở các nút giao thông mức độ vượt quy chuẩn không nhiều (từ 1,001 đến 1,23 lần). Các chỉ tiêu về nồng độ khí độc hầu hết ở các điểm quan trắc có tăng so với giai đoạn 2006-2010 nhưng mức độ gia tăng không đáng kể, vẫn đang nằm trong giới hạn cho phép.

Trong thời gian tới khi các KCN luyện cán thép, trung tâm điện lực Vũng Áng; KCN đóng mới và sửa chữa tàu biển; KCN lọc hóa dầu và dịch vụ dầu khí đi vào hoạt động thì nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí từ hoạt động này cần có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ.

3. Về chất lượng môi trường đất

Theo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất cho thấy, các chỉ tiêu đang nằm trong giới hạn cho phép, ngoại trừ các khu vực tồn lưu hóa chất BVTV từ thời kỳ chiến tranh và các bãi chôn lấp rác thải chưa được xử lý. Ngoài ra môi trường đất cũng một phần chịu ảnh hưởng bởi dư lượng hóa chất BVTV và phân bón hóa học trong nông nghiệp. Sự thay đổi tính chất đất dù biến động ít nhưng nếu kéo dài sẽ dẫn đến hiện tượng suy thoái đất, đặc biệt là đất nuôi trồng thủy sản trong thời gian dài sẽ có nguy cơ bị cằn cỗi, bạc màu và mặn hóa.

Môi trường đất chủ yếu bị ảnh hưởng do ở các vùng sản xuất nông nghiệp lớn, các điểm tồn lưu hóa chất BVTV do chiến tranh để lại và do nước rỉ rác từ các bãi chôn lấp chất thải rắn không đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế.

4. Hiện trạng, diễn biến đa dạng sinh học (ĐDSH)

Độ che phủ rừng tăng lên từ 50,2% (năm 2010) lên 52,48% (năm 2014). Tuy nhiên diện tích rừng ngập mặn ven biển giảm dần, từ 2.168,63 ha (năm 2010) xuống còn 775,83 ha (năm 2012). Nguyên nhân do nhiều yếu tố khách quan về điều kiện thời tiết, hiện tượng thay đổi dòng chảy đã làm xói lở bờ sông giảm diện tích rừng ngập mặn.

Hà Tĩnh là một trong những tỉnh có mức độ ĐDSH cao, phong phú về loài, tập trung chủ yếu tại VQG Vũ Quang và Khu bảo tồn TN Kè Gỗ. Tuy nhiên hiện nay, sự suy giảm về số lượng cá thể của các loài trong tự nhiên đang là vấn đề đáng báo động do việc khai thác quá mức các loài có giá trị kinh tế cao để sử dụng làm thức ăn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Mặc dù so với giai đoạn 2006- 2010 thì số vụ khai thác lâm sản và săn bắt động vật trái phép có giảm nhưng mức độ không đáng kể. Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình hồ đập, khai thác khoáng sản... làm mất và chia cắt sinh cảnh tự nhiên của nhiều loài. Bên cạnh đó là tác động của biến đổi khí hậu, sự du nhập các giống mới, các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn cũng là nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học ở tỉnh ta.

5. Xu hướng biến đổi khí hậu

Hà Tĩnh là một tỉnh có khí hậu khắc nghiệt, những năm gần đây tình hình thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường có những diễn biến phức tạp hơn, tình hình thời tiết cực đoan xảy ra nhiều hơn; nhiệt độ có xu hướng tăng lên bình quân

khoảng 0,3°C. Trong giai đoạn 2011 -2015 Hà Tĩnh chịu ảnh hưởng của 10 cơn bão lớn gây mưa trên diện rộng; hơn 20 trận lốc xoáy kèm theo dông, sét lũ lụt, hạn hạn, rét đậm rét hạn kéo dài, sạt lở bờ sông (sông Ngàn Mọ, sông La, sông Ngàn Sâu...), sạt lở bờ biển (ở xã Xuân Trường, Xuân Hội- Nghi Xuân, xã Thạch Kim, Thạch Bằng- Lộc Hà...), hiện tượng nứt đất, sụt lún đất ở các vùng miền núi (xã Hương Vĩnh- Hương Khê, Hương Minh- Vũ Quang)... đã gây thiệt hại lớn về kinh tế và để lại hậu quả nặng nề về môi trường.

Bên cạnh sự biến đổi khí hậu là các sự cố môi trường: Số vụ cháy rừng giai đoạn 2011-2015 (50 vụ) mặc dù có giảm hơn so với giai đoạn 2006-2010 (88 vụ) tuy nhiên vẫn đang là con số lớn, làm thiệt hại 100,74 ha rừng các loại và gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng môi trường sinh thái.

Tình trạng dịch bệnh những năm gần đây đã được kiểm soát, tuy nhiên vẫn xảy ra các đợt dịch bệnh lớn như dịch lở mồm long móng, dịch tai xanh ở lợn... gây thiệt hại lớn về kinh tế và môi trường.

6. Tình hình phát sinh chất thải rắn

Cùng với quá trình đô thị hoá và sự phát triển, lượng chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, y tế phát sinh ngày càng lớn. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tăng từ 176.750 tấn (năm 2010) lên 180.233 tấn (năm 2014); chất thải rắn công nghiệp tăng từ 63.108 tấn (năm 2010) lên 110.698 tấn (năm 2014); chất thải y tế phát sinh tăng từ 61 tấn (năm 2010) lên 134 tấn (năm 2014). Chất thải rắn nông nghiệp cũng có chiều hướng gia tăng từ các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Mặc dù thời gian qua, công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác đã được quan tâm nhưng thực tế chưa đáp ứng, tình trạng đổ rác thải, chất thải chưa qua xử lý tại các ao hồ, sông suối, kênh mương... còn diễn ra nhiều nơi gây ô nhiễm môi trường.

II. Những kết quả đạt được trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường

Cùng với việc chỉ đạo phát triển kinh tế, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, trong giai đoạn vừa qua tỉnh đã tập trung chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường bằng các chương trình, nghị quyết, đề án và ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước; đã xây dựng quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường đến năm 2020; kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến 2030...

Công tác cải cách hành chính về BVMT được đẩy mạnh theo hướng cắt giảm số lượng thành phần hồ sơ và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ (từ 45 ngày hiện nay rút xuống 25 ngày); công tác thẩm định và đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư được nâng cao cả về số lượng hồ sơ và chất lượng

thẩm định (từ 42 hồ sơ năm 2010 lên 114 hồ sơ năm 2014), đã có 196 đơn vị được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Mạng lưới quan trắc và phân tích môi trường liên tục được điều chỉnh và tăng dày mật độ điểm quan trắc nhằm đáp ứng nhu cầu đánh giá chất lượng môi trường phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay mạng lưới quan trắc và phân tích môi trường đã có 274 điểm, tăng 163 điểm quan trắc so với năm 2010. Kết quả quan trắc mạng lưới đã góp phần tích cực trong công tác đánh giá chất lượng môi trường ở các vùng, lĩnh vực, phục vụ ngày một tốt hơn cho công tác quản lý nhà nước về BVMT.

Công tác quản lý chất thải rắn đã được quan tâm: Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã đầu tư kinh phí mua sắm xe đẩy tay và thùng đựng rác đầu tư cho các tổ chức thu gom rác thải trên địa bàn, đến nay đã cấp phát được 588 xe đẩy tay và 186 thùng rác; đã xây dựng cơ chế hỗ trợ thành lập các Hợp tác xã môi trường (ngân sách tỉnh hỗ trợ 100 triệu đồng, ngân sách huyện hỗ trợ 50 triệu đồng trên một Hợp tác xã). Nhờ vậy, mạng lưới các đơn vị thu gom và vận chuyển rác thải đã được nhân rộng, đến nay đã có 166 Công ty, HTX, tổ đội vệ sinh môi trường (tăng gấp 5 lần so với năm 2010), góp phần đáng kể công tác thu gom rác thải phát sinh trên địa bàn, theo đó lượng rác thải thu gom, vận chuyển đi xử lý tăng từ 108.600 tấn (năm 2010) lên 174.581 tấn (năm 2014), tỷ lệ thu gom, vận chuyển tăng từ 45% lên 60%. Bên cạnh đó hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được đầu tư, nâng cấp, đặc biệt là Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt làm phân hữu cơ tại xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên đang là mô hình điểm cho nhiều tỉnh trong nước đến học hỏi kinh nghiệm; mô hình lò đốt rác SANKYO công nghệ Nhật Bản đã được thử nghiệm tại Kỳ Anh để nhân rộng ra các địa phương khác. Hiện nay tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh đang đầu tư Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp trên 1.000 tấn/ngày và Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt 500 tấn/ngày (trong đó dây chuyền 1 công suất 240 tấn/ngày dự kiến đi vào vận hành trong Quý III/2015).

Về chất thải y tế đã được kiểm soát: Toàn tỉnh đã có 16/19 bệnh viện đã được đầu tư lò đốt chất thải y tế, tăng 6 lò đốt so với năm 2010 và 18/19 bệnh viện được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế. Lượng chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom, xử lý tăng từ 168kg/ngày (năm 2010) lên 368kg/ngày (năm 2014).

Một số điểm nóng về ô nhiễm môi trường đang từng bước được xử lý, đặc biệt là các điểm ô nhiễm do tồn lưu hóa chất BVTV từ thời kỳ chiến tranh để lại. Trong giai đoạn 2011-2015 đã điều tra được 143/160 điểm, trong đó đã tổ chức lấy mẫu và phân tích đánh giá mức độ ô nhiễm được 55/143 điểm và đã triển khai xử lý ô nhiễm tại 8 điểm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đã hoàn thành xử lý triệt để 6/12 điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và rút khỏi danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Cùng với việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn được quan tâm đã làm thay đổi đáng kể nhận thức của người dân và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường. Đến nay toàn tỉnh có 26 xã đạt chuẩn nông thôn mới và đạt tiêu chí môi trường. Riêng tiêu chí về sử dụng nước sạch hợp vệ sinh khu vực nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh đến nay đạt 86,6%, trong đó có 36,2% người dân nông thôn được sử dụng nước đạt chuẩn QCVN 02/BYT của Bộ Y tế.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ môi trường

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đang có những khó khăn nhất định, đó là:

1. Năng lực quản lý nhà nước về BVMT chưa đáp ứng được yêu cầu: đội ngũ cán bộ còn thiếu về số lượng, chất lượng còn hạn chế; trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác còn thiếu, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác, đặc biệt là lĩnh vực kiểm tra sau thẩm định môi trường chưa triển khai được nhiều, hiệu quả kiểm tra, xử lý thấp.

2. Quy hoạch các khu xử lý chất thải đã được phê duyệt nhưng chưa được đầu tư, hệ thống các khu xử lý chất thải hiện có chưa đáp ứng nhu cầu xử lý đối với lượng chất thải phát sinh; một số bãi rác cũ đã xuống cấp, hết công suất gây ô nhiễm môi trường như bãi rác Hồng Lĩnh, bãi rác Thiên Cẩm, bãi rác thị trấn Kỳ Anh (phường Sông Trĩ)...

3. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân, doanh nghiệp còn hạn chế, vẫn còn tình trạng xả nước thải chưa qua xử lý, đổ rác thải bừa bãi ra môi trường nhất là ở khu vực công cộng.

4. Kinh phí đầu tư cho sự nghiệp môi trường chưa đáp ứng để xử lý các điểm nóng ô nhiễm môi trường (như đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải, xử lý tình trạng ô nhiễm asen trong nguồn nước sinh hoạt, xử lý ô nhiễm do rò rỉ đường ống xăng dầu từ thời kỳ chiến tranh; xử lý các điểm tồn lưu hóa chất BVTV...)

5. Hệ thống thoát nước đô thị (nước mưa đang thoát chung với nước thải) hiện đã xuống cấp, gây tình trạng ngập úng vào mùa mưa. Ở tất cả các khu đô thị, du lịch và hầu hết các KCN, Cụm công nghiệp vẫn chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

IV. Mục tiêu, giải pháp bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu bảo vệ môi trường được đặt ra là xây dựng Hà Tĩnh thành tỉnh phát triển bền vững, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường, tập trung ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục suy thoái, phục hồi và nâng cao chất lượng môi trường; hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Để đạt được mục tiêu này, các ngành, các cấp cần phải vào cuộc và tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho cộng đồng: đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, đối tượng tuyên truyền, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền; trước mắt tập trung tuyên truyền về ý thức trong thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt cho người dân, khuyến khích tiêu dùng sạch, hạn chế sử dụng túi nilon; hướng dẫn sử dụng hóa chất BVTV trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân và vệ sinh an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi, vệ sinh môi trường sau thiên tai, bão lụt...

2. Hoàn thiện quy định bảo vệ môi trường cấp tỉnh và cấp huyện theo tinh thần Luật Bảo vệ môi trường 2014; xây dựng quy chế bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, trước hết tập trung vào lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, hoạt động nuôi trồng thủy sản, hoạt động khai thác khoáng sản và BVMT tại các làng nghề. Lồng ghép các mục tiêu về bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trước mắt tập trung vào lĩnh vực chế biến thực phẩm, các nhà hàng, khách sạn du lịch ven biển, các cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản ven biển; kiểm soát chất lượng khí thải tại các nhà máy luyện thép, nhiệt điện, lọc hóa dầu và các loại hình sản xuất khác tại khu công nghiệp Vũng Áng. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về BVMT.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra lồng ghép tuyên truyền ý thức BVMT, khuyến khích áp dụng các công nghệ sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, tái chế, tái sử dụng chất thải.

4. Tăng cường đầu tư kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, chi ngân sách đảm bảo đúng mục đích, tiến độ và có hiệu quả, trước mắt tập trung đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung cho các đô thị, phấn đấu đến 2020, 50% khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn; 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch.

- Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt tiến tới triển khai xây dựng quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho các khu vực nông thôn; nhân rộng mô hình lò đốt chất thải rắn cho các vùng nông thôn chưa có khu xử lý chất thải rắn.

- Hỗ trợ công tác xã hội hóa môi trường, nhân rộng mạng lưới hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường nhằm tăng tỷ lệ thu gom, vận chuyển chất thải rắn, phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 85%.

- Xử lý các điểm ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất BVTV, rò rỉ đường ống xăng dầu từ thời kỳ chiến tranh; xử lý tình trạng ô nhiễm và đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải rắn đã hết công suất; xử lý tình trạng ô nhiễm asen trong nguồn nước sinh hoạt ở các vùng thấp trũng ven sông; phấn đấu đến 2020 hoàn thành xử lý 100% số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

5. Tăng cường, nâng cao năng lực, hiệu quả QLNN trong lĩnh vực BVMT về đội ngũ cán bộ, trang thiết bị, phương tiện; thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; nâng cao chất lượng công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường; tăng cường năng lực quan trắc, tăng tần suất và số lượng điểm quan trắc giám sát chất lượng môi trường, bổ sung quan trắc chất lượng môi trường đất nông nghiệp và môi trường khí thải ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

6. Đẩy mạnh quản lý bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Xây dựng danh mục các dự án khuyến khích đầu tư và các dự án hạn chế đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp; yêu cầu tất cả các khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị thu gom rác thải; đầu tư xây dựng trạm quan trắc tự động và đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định, phấn đấu đến năm 2020 có 60% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

7. Kiểm soát sự gia tăng dân số đô thị; đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông công cộng nhằm giảm áp lực lên môi trường không khí, môi trường nước khu vực đô thị.

8. Xây dựng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2020 và định hướng đến 2030; tăng cường trồng cây xanh, trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, nâng cao độ che phủ rừng, phấn đấu đến 2020 nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%; đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường do thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, dịch bệnh, sự cố cháy rừng...

9. Ưu tiên đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất sạch, công nghệ tái chế chất thải, tiết kiệm năng lượng; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về BVMT.

Nhìn chung, hiện trạng môi trường Hà Tĩnh đến thời điểm hiện tại đang trong tầm kiểm soát, ngoại trừ ở một số thành phần như nước mặt khu vực đô thị, nước ngầm và đất ở các khu vực tồn lưu hóa chất BVTV và bãi chôn lấp chất thải rắn chưa được xử lý, nước biển ven bờ ở một số bãi tắm và không khí ở một số nút giao thông lớn đã có dấu hiệu ô nhiễm. Chính vì vậy trách nhiệm bảo vệ môi trường trong giai đoạn tới cần được các ngành, các cấp quan tâm. Đây là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách và là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Để thực hiện có hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường Hà Tĩnh trong giai đoạn tới, đề nghị các vị Đại biểu HĐND tỉnh quan tâm, chia sẻ và đóng góp ý kiến đối với báo cáo này, thống nhất đưa ra các giải pháp hữu hiệu góp phần xây dựng phát triển bền vững./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Các Đại biểu HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường;
 - Chánh, các Phó VP/UB tỉnh;
 - Lưu: VT, NL₂.
- Gửi: VB giấy và điện tử.



Lê Đình Sơn